

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động đại lý thanh toán

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động đại lý thanh toán.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4

“Điều 4. Các nội dung hoạt động đại lý thanh toán

Bên giao đại lý được giao cho bên đại lý thực hiện một hoặc một số nghiệp vụ sau:

1. Nhận hồ sơ mở tài khoản thanh toán; thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ; đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp; tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo hướng dẫn của bên giao đại lý để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng tài khoản thanh toán.

2. Nhận hồ sơ phát hành thẻ ngân hàng; thực hiện kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ; đối chiếu đảm bảo sự khớp đúng, chính xác của các tài liệu, thông tin, dữ liệu mà khách hàng cung cấp; tiến hành xác minh thông tin nhận biết khách hàng

theo hướng dẫn của bên giao đại lý để gửi cho bên giao đại lý và hướng dẫn khách hàng sử dụng thẻ ngân hàng.

3. Tiếp nhận yêu cầu cung cấp dịch vụ thanh toán của khách hàng, lập, ký hoặc áp dụng các hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử, kiểm soát, xử lý chứng từ thanh toán của khách hàng, chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, nhận tiền mặt từ khách hàng hoặc trả tiền mặt cho khách hàng nhằm thực hiện các giao dịch:

a) Nộp/rút tiền mặt vào/từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại bên giao đại lý;

b) Nộp/rút tiền mặt vào/từ thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

c) Nộp tiền mặt để thanh toán dư nợ thẻ tín dụng của khách hàng do bên giao đại lý phát hành;

d) Thực hiện dịch vụ thanh toán lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ.

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu cung cấp dịch vụ thanh toán của khách hàng thì bên đại lý xử lý chứng từ thanh toán của khách hàng và thực hiện chuyển thông tin giao dịch của khách hàng cho bên giao đại lý, trừ trường hợp xảy ra sự cố hệ thống thông tin và/hoặc các điều kiện bất khả kháng khác không thể thực hiện được giao dịch của khách hàng.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6

“1. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động giao đại lý thanh toán nếu trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có nội dung hoạt động giao đại lý thanh toán.

Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động đại lý thanh toán nếu trong Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có nội dung đại lý trong hoạt động ngân hàng. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện hoạt động đại lý thanh toán mà không phải bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép trong trường hợp Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép thành lập và văn bản sửa đổi bổ sung Giấy phép đã được cấp trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 có hiệu lực có nội dung đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng hoặc làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng.

Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được thực hiện hoạt động đại lý thanh toán nếu trong Giấy phép thành lập và hoạt động và văn bản sửa đổi, bổ sung Giấy phép có nội dung hoạt động đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán.”.

Điều 3. Sửa đổi điểm 1 khoản 2 Điều 9

“1) Thu thập, đối chiếu và lưu trữ toàn bộ dữ liệu, chứng từ thanh toán phát sinh tại bên đại lý theo quy định của pháp luật có liên quan;”.

Điều 4. Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a khoản 2 Điều 10

“a1) Việc lập, ký hoặc áp dụng các hình thức xác nhận bằng phương tiện điện tử, kiểm soát, luân chuyển, quản lý, sử dụng và bảo quản chứng từ thanh toán đảm bảo theo đúng quy định pháp luật kế toán, pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định pháp luật liên quan;”.

Điều 5. Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 11

Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực” tại khoản 1, khoản 3 Điều 11.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 12

1. Sửa đổi điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 12 như sau:

“d) Đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực trong công tác kiểm tra đối với bên giao đại lý, bên đại lý việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

đ) Phối hợp với Thanh tra ngân hàng Nhà nước thực hiện thanh tra việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

a) Đầu mối tham mưu, xử lý hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung hoạt động giao đại lý thanh toán, đại lý trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đầu mối tham mưu, xử lý hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung hoạt động đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán của tổ chức tài chính vi mô là đối tượng giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Thực hiện giám sát đối với bên giao đại lý theo thẩm quyền việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này.”.

3. Bổ sung khoản 3 Điều 12 như sau:

“3. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

Thực hiện thanh tra đối với bên giao đại lý, bên đại lý theo thẩm quyền việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán, các đơn vị liên quan.”.

4. Bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

a) Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định và xử lý hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung hoạt động giao đại lý thanh toán, đại lý trong hoạt động ngân hàng của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Đầu mỗi tiếp nhận, thẩm định và xử lý hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy phép, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung hoạt động đại lý cung ứng dịch vụ thanh toán vào Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực theo quy định của pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

c) Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với bên giao đại lý, bên đại lý và giám sát đối với bên giao đại lý theo thẩm quyền việc tuân thủ các quy định tại Thông tư này, xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và thông báo kết quả cho Vụ Thanh toán, các đơn vị liên quan.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14

“Điều 14. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.”.

Điều 8. Thay thế Phụ lục kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-NHNN

Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-NHNN bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 01 năm 2026 ./. 

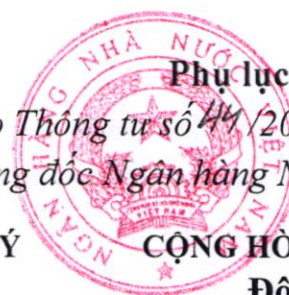
Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VT, TT(03) 

KT, THỐNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Phạm Tiến Dũng



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Thông tư số 44/2025/TT-NHNN ngày 18/11/2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN TỔ CHỨC GIAO ĐẠI LÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động giao đại lý thanh toán
(Quý năm)

Stt	Chỉ tiêu	Quý (1)	Năm (2)
I	Số lượng đại lý		
1	Đại lý là TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (3)		
2	Đại lý là tổ chức khác (4)		
	Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác (5)		
	Trong đó: Số điểm đại lý ở các địa bàn cấp xã (6)		
I	Giao dịch		
1	Số lượng giao dịch (7)		
2	Giá trị giao dịch (8)		

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA TỔ CHỨC BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Số điện thoại liên hệ:
Bộ phận:

Ghi chú:

- (1) Số phát sinh trong quý;
- (2) Số lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo;
- (3) Số lượng đại lý là NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;
- (4) Số đại lý là tổ chức khác;

- (5) Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác;
- (6) Số điểm đại lý thanh toán của tổ chức khác ở các địa bàn cấp xã;
- (7) Số lượng các giao dịch theo quy định tại điểm 3 Điều 4 Thông tư;
- (8) Giá trị các giao dịch theo quy định tại điểm 3 Điều 4 Thông tư.

Định kỳ và thời hạn của báo cáo như sau:

- (i) Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (bên giao đại lý chỉ thực hiện báo cáo Quý I, II và III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;
- (ii) Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.



NAM